

Bàn về các giải pháp hỗ trợ trong giảng dạy chữ Hán cho sinh viên giai đoạn cơ sở

TS. GVC. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Khoa Tiếng Trung Quốc, Đại học Ngoại Thương

● NGÀY NHẬN BÀI: 20/6/2023 ● NGÀY CHUYỂN PHẢN BIỆN: 21/6/2023

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 02/8/2023

Tóm tắt: Chữ Hán là hệ thống các kí hiệu ghi lại ngôn ngữ tiếng Trung Quốc. Chữ Hán không chỉ được sử dụng tại Trung Quốc mà còn đã và đang được sử dụng trong ngôn ngữ của một số quốc gia trên thế giới, nhất là các nước thuộc vùng ảnh hưởng của văn hóa chữ Hán. Đối với người nước ngoài, chữ Hán dường như luôn là một điểm khó lớn nhất, vì chữ Hán khó viết, khó nhớ lại hay quên. Bài viết này sẽ bàn về một số giải pháp hỗ trợ như vận dụng các kiến thức về Lục thư, trò chơi, nguồn tài nguyên mạng và các phần mềm, ứng dụng,... giúp tăng thêm hứng thú và dễ dàng ghi nhớ, nhớ lâu chữ Hán cho người học ở giai đoạn cơ sở.

Từ khóa: *Chữ Hán, giải pháp hỗ trợ, ghi nhớ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chữ Hán là một trong những văn tự cổ xưa nhất trên thế giới. Trải qua mấy nghìn năm hình thành và phát triển Chữ Hán không chỉ được sử dụng với tư cách là một văn tự chính thức và chủ yếu của tiếng Trung Quốc (tiếng Hán) mà còn được một số quốc gia ở Châu Á “mượn” làm một bộ chữ trong ngôn ngữ của mình (như Nhật Bản) hoặc đã từng sử dụng với tư cách là một loại văn tự chính thức trong hệ thống giáo dục, thi cử trong suốt một thời gian khá dài (Việt Nam). Không giống như nhiều loại văn tự của các ngôn ngữ khác, là văn tự biểu âm, chữ Hán là loại văn tự tượng hình, biểu ý (象形表意文字). “Tượng hình” là bởi

vì ngay từ thời sơ khai của chữ Hán và rất nhiều chữ Hán còn lại cho đến ngày nay, các chữ Hán được tạo ra trên cơ sở mô tả lại hình dạng (toàn bộ hoặc một phần đặc trưng hoặc bộ khung) của sự vật. “Biểu ý” là nhìn chữ (hình dạng) của chữ Hán có thể biết được ý, ý nghĩa của chúng.

Đối với người Việt Nam, chữ Hán không hề xa lạ vì chúng ta có thể nhìn thấy ở nhiều nơi như đình, chùa, miếu, nhà thờ, thậm chí ngay trong chính gia đình của nhiều người. Bên cạnh đó, so với nhiều nước khác, nhất là các nước phương Tây, người Việt Nam có rất nhiều thuận lợi để học tốt chữ Hán nói riêng và tiếng Trung Quốc nói chung. Bởi giữa Việt Nam và Trung Quốc có mối quan

hệ lâu đời, có lịch sử bang giao lâu dài, có địa lý liền kề và quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa, xã hội rộng rãi từ hàng nghìn năm trước. Những điểm thuận lợi này khiến người Việt Nam dễ dàng hơn trong việc tiếp nhận, hiểu và dễ sử dụng chữ Hán, từ tiếng Hán hơn. Tuy nhiên, qua trải nghiệm của bản thân tác giả khi học và thực tế nhiều năm giảng dạy, tiếp xúc với học sinh, giáo viên dạy tiếng Trung Quốc của Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, chữ Hán vẫn là một điểm khó và có thể khẳng định đây là điểm khó lớn nhất đối với hầu như tất cả người nước ngoài học tiếng Trung Quốc, đặc biệt là giai đoạn mới bắt đầu làm quen và học chữ Hán. Ở giai đoạn đầu của quá trình học, chữ Hán được coi là trở ngại, khó khăn lớn nhất đối với người Việt Nam khi mới học tiếng Trung Quốc, tình hình này cũng có thể cũng đúng với người học chữ Hán (chữ Kanji) khi học tiếng Nhật.

Việc học chữ Hán có vai trò vô cùng quan trọng đối với cả quá trình học tiếng Trung Quốc. Nếu ngay từ khi bắt đầu học tiếng Hán mà sinh viên không có phương pháp học hiệu quả thì việc học chữ sẽ trở thành rào cản ảnh hưởng rất nhiều đến cả quá trình học sau này. Vì vậy, làm thế nào để khắc phục hiện tượng “ba khó” khi học chữ Hán (khó viết, khó nhận biết và khó nhớ) luôn là câu hỏi cho tất cả giáo viên và người học. Làm thế nào để tăng thêm hứng thú và tăng hiệu quả học chữ Hán cho người Việt Nam học tiếng Trung Quốc (cũng có thể áp dụng một phần đối với người Việt Nam học tiếng Nhật), bằng phương pháp mô tả và trải nghiệm thực tế bài viết này tập trung thảo luận một số giải pháp hỗ trợ trên cơ sở áp dụng các kiến thức về Hán tự học, kiến

thức nền về đất nước học Trung Quốc, về sự giao lưu, ảnh hưởng về văn hóa, ngôn ngữ giữa Việt Nam và Trung Quốc,...

Vận dụng cơ sở lý luận của chuyên ngành tâm lý học, Vương Lệ (2018) cho rằng “Trò chơi không chỉ là hoạt động giải trí mà còn có ý nghĩa giáo dục rất quan trọng”. Theo Wittgenstein (2019) quan điểm rằng “coi ngôn ngữ giống như trò chơi”. Đối với người Việt Nam học tiếng Trung Quốc cũng như bất kì người nước ngoài nào học ngoại ngữ thì lý luận thụ đắc ngôn ngữ thứ hai luôn là kim chỉ nam. Việc dạy và học chữ Hán đương nhiên cần vận dụng lý luận của chuyên ngành ngôn ngữ học, cụ thể là ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc. Thuyết “tự bản vị” của nhà nghiên cứu nổi tiếng của Trung Quốc Từ Thông Tương (1998) nhấn mạnh lấy việc dạy và học chữ Hán để thúc đẩy toàn bộ dạy tiếng Trung Quốc.

Về dạy chữ Hán cho người nước ngoài học tiếng Trung Quốc đã có khá nhiều nghiên cứu. Điển hình phải kể đến Dị Hồng Xuyên và cộng sự (1998), Mã Yến Hoa (2019) với nghiên cứu về tầm quan trọng của quy tắc “bút thuận” (Quy tắc viết chữ Hán) đối với việc học chữ Hán. Về dạy chữ Hán theo các bộ thủ có nghiên cứu của Vạn Nghiệp Hinh (2004), Thôi Vĩnh Hoa (2014), hai nhà nghiên cứu này đều nhấn mạnh vai trò của quan trọng của việc dạy chữ Hán theo cấu tạo, về việc vận dụng các bộ thủ trong việc ghi nhớ chữ Hán. Về vận dụng kiến thức của “Lục thư” trong giảng dạy chữ Hán có các nghiên cứu điển hình như Vạn Nghiệp Hinh (2004), Phan Tiên Quân (2018), Trương Văn Tú (2019). Các tác giả đã chỉ ra rằng người dạy nắm chắc và vận dụng linh hoạt khi giảng dạy chữ Hán theo

một trong sáu cách cấu tạo chữ Hán đều có tác dụng rất lớn.

2. MỘT VÀI GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VIỆC HỌC VÀ NHỚ CHỮ HÁN

2.1. Vận dụng kiến thức Hán tự học về “Lục thư”

Chữ Hán từ khi mới ra đời và cho đến nay vẫn được cấu tạo theo một trong sáu cách, gọi là “Lục thư” (六书), trong đó, trên thực tế chỉ có 4 cách “tạo chữ” (造字法) (Tượng hình: 象形, Chỉ sự: 指事, Hội ý: 会意 và Hình thanh: 形声) còn 2 cách “dùng chữ” (用字法) (Giả tá: 假借 và Chuyển chú: 转注). Trong lịch sử phát triển, chữ Hán đã trải qua các thời kì với các loại chữ là chữ Giáp cốt (甲骨文: chữ viết trên mai rùa, xương thú), chữ Kim (金文: chữ viết trên đồ đồng), chữ Triện (篆书 Đại Triện 大篆, Tiểu Triện 小篆), chữ Lệ (隶属) và chữ Khải (楷书). Trong giai đoạn đầu giảng dạy chữ Hán cho người mới bắt đầu học, giảng viên có thể vận dụng các kiến thức văn tự học này giúp người học cảm thấy hứng thú với chữ Hán, một loại chữ vuông mà một số sinh viên cho rằng vô cùng khó hiểu (khi viết là những kí hiệu theo một cách còn lúc đọc thì âm đọc lại hoàn toàn không liên quan gì đến chữ viết).

(1) Chữ Tượng hình: Là loại chữ được cấu tạo bằng cách mô tả lại hình dạng của cả sự vật hoặc bộ khung bên ngoài hay một (hoặc một vài bộ phận) đặc trưng của sự vật, ví dụ chữ Nữ (女). Đây là chữ tượng hình, hình ảnh người phụ nữ quỳ gối, tay khoanh trước ngực, thể hiện sự khiêm cung, vị thế thấp kém của người phụ nữ xưa. Nhìn hình ảnh chữ Nữ thấy được thiên chức mang thai, sinh con của phụ nữ (bụng to) và hai chân đứng bất chéo (thể hiện sự kín đáo, tế nhị của người phụ nữ). Qua nội dung giảng giải như trên, sinh viên sẽ dễ tiếp cận và dễ nhớ hình ảnh và cách viết chữ.



Hình 1. Hình ảnh minh họa chữ (bộ) Nữ (女)

(Nguồn: “女”字探秘: 从女神到女奴再到女人)

Trong khi giảng, giáo viên cũng có thể cho sinh viên xem hình ảnh chữ Nữ qua các thời kì như sau:

Bảng 1. Bộ (chữ) Nữ qua các thời kì phát triển

Chữ Giáp cốt	Chữ Kim	Chữ Tiểu Triện	Chữ Lệ	Chữ Khải
甲骨文	金文	小篆	隶书	楷体

(Nguồn: “女”字探秘: 从女神到女奴再到女人)

Ví dụ chữ Dương (羊) (con dê)



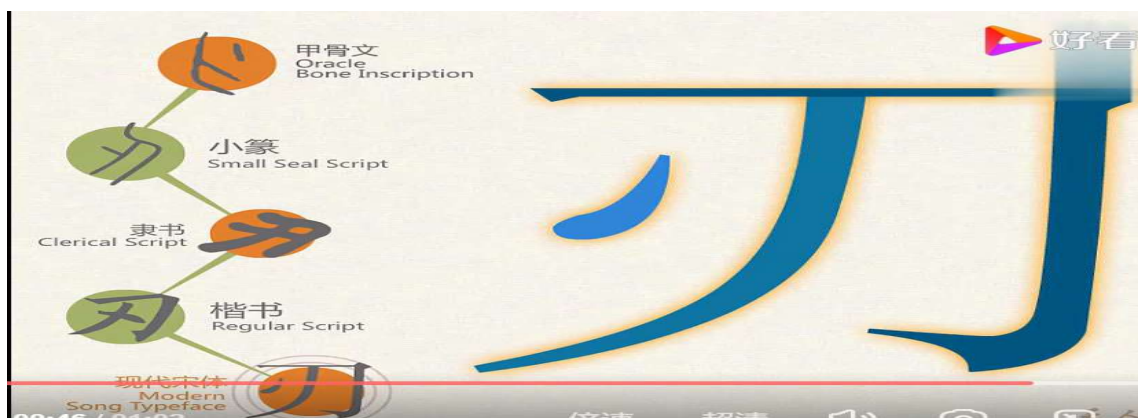
Hình 2. Hình ảnh minh họa chữ Dương và chữ Dương qua các thời kỳ

(Nguồn: 全站搜索 (zdic.net))

Chữ *Dương*, chữ tượng hình, hình ảnh đầu con dê có 2 sừng và bộ râu, là các bộ phận rất đặc trưng của con dê. Phía dưới là chữ *Dương* lần lượt qua các thời kỳ chữ *Giáp cốt*, chữ *Kim*, chữ *Tiểu Triện*, chữ *Lệ* và chữ *Khải*.

(2) Chữ *Chỉ sự*: Là chữ được cấu tạo

trên cơ sở các chữ tượng hình có sẵn và thêm kí hiệu chỉ rõ, nhấn mạnh ý nghĩa của chữ. Ví dụ chữ 刃, được cấu tạo trên cơ sở chữ Dao (刀) và thêm một nét chấm vào vị trí lưỡi dao, có nghĩa là “lưỡi” (bộ phận sắc mỏng của dao, kiếm, v.v...)



Hình 3. Hình ảnh chữ Nhẫn qua các thời kỳ

(Nguồn: Chinese Characters Evolution: 刃)

(3) Chữ *Hội ý*: Là các chữ được cấu tạo trên cơ sở nghĩa của cả chữ là tổng hợp nghĩa của các bộ phận cấu thành, nhiều chữ hội ý được cấu tạo trên cơ sở hai hoặc ba bộ thủ hoặc chữ tượng hình có sẵn. Vì vậy, việc nắm được những hiểu biết, kiến thức cơ bản và một số chữ tượng hình sẽ giúp sinh viên dễ nhớ cấu tạo và nghĩa của các chữ Hội ý. Ví dụ như chữ *Hưu* (休: nghỉ ngơi: người đứng bên cạnh cây để nghỉ cho mát) với hình ảnh minh họa như sau:



Hình 4. Hình ảnh mô tả chữ Hưu (休)

(Nguồn: Chinese Characters Evolution: 休)

Chữ Hưu qua các thời kỳ như sau:



Hình 5. Hình ảnh chữ Hưu qua các thời kỳ

(Nguồn: *Chinese Characters Evolution*: 休)

(4) Chữ *Hình thanh*: Là loại chữ được cấu tạo theo phương pháp chữ hợp thể (chữ kép) với một bộ phận biểu thị hình ảnh (thể hiện nghĩa của chữ) và một bộ phận biểu thị âm thanh (âm đọc của chữ). Các nhà ngôn ngữ học, Hán tự học Trung Quốc đều thống nhất quan điểm là trải qua các thời kỳ khác nhau, tỷ lệ chữ *Hình thanh* có những thay đổi rất lớn. Ví dụ thời kỳ chữ *Giáp cốt* (甲骨文, xuất hiện vào triều đại nhà Thương, thế kỉ 17 đến thế kỉ 11 trước công nguyên, cách đây khoảng 3600 năm), chữ tượng hình và chữ hội ý chiếm đa số, chữ *hình thanh* chỉ chiếm khoảng 20%, đến thời cuốn từ điển kinh điển mà bất cứ ai nghiên cứu chữ Hán và tiếng Hán đều biết và sử dụng để tra cứu là “Thuyết văn giải tự” (说文解字) tác giả là Hứa Thận, thời Đông Hán. Cuốn từ điển này ra đời năm 121, đây là cuốn từ điển đầu tiên khảo cứu, thu thập và sắp xếp các chữ Hán theo bộ thủ đầu tiên và có quy mô lớn của Trung Quốc) thì chữ *hình thanh* đã chiếm đến 80%. Đến nay chữ *hình thanh* chiếm tỉ lệ lớn hơn (khoảng hơn 90%) trong hệ thống chữ Hán. Giữa bộ phận là “hình” (形) và nghĩa của cả chữ, giữa bộ phận là “thanh” (声) và âm đọc của cả chữ đều có mối liên hệ rất lớn. Chính vì vậy khi dạy chữ Hán giảng viên nên cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản này để sinh viên thuận lợi trong việc biết và ghi nhớ âm

đọc và nghĩa của chữ. Ví dụ chữ 请 (thành: mời, xin mời), là chữ *hình thanh*, bao gồm bộ *Ngôn* (讠 : bộ phận biểu thị hình ảnh: lời nói, ngôn ngữ) và chữ *Thanh* (青: bộ phận biểu thị âm thanh). Nhóm các từ *hình thanh* có chứa bộ *Thanh* này còn có 请, 清, 情, 晴, ... (qīng: mời, xin mời, qīng: trong, qíng: tình cảm, qíng: trời hừng nắng, trời quang,...).

Các ví dụ tương tự khác như 财 (âm đọc là “cái”: của cải), 材 (âm đọc là “Cái”: vật liệu, nguyên liệu), có chung bộ 才 (bộ phận biểu thị âm thanh “cái”);

妹妹 (mèimei), 妈妈 (māma), 姑姑 (gūgu),...có chung bộ 女, bộ phận biểu thị nghĩa (tất cả các từ này đều có nghĩa liên quan đến phụ nữ, con gái, nghĩa của các từ này lần lượt là “em gái”, “mẹ”, “cô”)

2.2. Sử dụng công nghệ

Trong giảng dạy, học tập chữ Hán có thể sử dụng một số phần mềm, ứng dụng và website hướng dẫn học, hỗ trợ nhớ chữ, từ tiếng Hán.

Ngày nay, nhờ có khoa học và công nghệ phát triển nên các phần mềm, ứng dụng và nguồn tài nguyên trên mạng Internet sẵn có rất phong phú. Giảng viên và sinh viên đều dễ dàng khai thác rất tiện lợi và hiệu quả trong việc học và nhớ cách viết, nghĩa và cách dùng các chữ Hán.

Một số website, ứng dụng, phần mềm rất dễ sử dụng và hiệu quả như sau:

<http://bishun.shufaji.com/>

<https://www.hanzi5.com/>

Phần mềm Chinese Writing Master

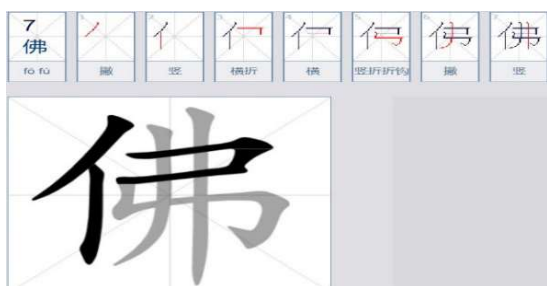
Ứng dụng Hey Chinese

Ứng dụng Hello Chinese

.....

Với các phần mềm, website, ứng dụng này người học chỉ cần gõ bằng phiên âm hoặc copy chữ Hán có sẵn vào hệ thống sẽ tự hiện ra chữ Hán với số nét, thứ tự các nét, thậm chí còn có âm đọc, nghĩa và cách dùng, rất thuận tiện và hiệu quả. Có ứng dụng còn cho phép người học tập viết chữ, như Hello Chinese.

Ví dụ chữ *Phật*, gồm 7 nét, thứ tự các nét được thể hiện qua 7 bước ở 7 ô vuông và qua hình ảnh cắt từ video clip như sau:



Hình 6. Hình ảnh cắt từ video clip thứ tự viết chữ *Phật*

(Nguồn: 佛的笔顺_佛字的笔顺_佛字笔顺查询 (shufaji.com))

2.3. Sử dụng một số trò chơi làm bài tập

Chữ Hán không chỉ đơn giản là hệ thống các kí hiệu để ghi lại ngôn ngữ tiếng Trung Quốc. Đặc trưng biểu ý của chữ Hán khiến cho loại văn tự này khác hẳn với đa số các văn tự khác đó là nhìn hình dạng chữ có thể biết nghĩa hoặc đoán được nghĩa của chữ đó có liên quan đến cái gì. Chữ Hán rất khó nhớ nhưng lại hay quên, nếu chỉ yêu cầu sinh viên lúc nào cũng viết đi viết lại hết trang giấy này đến trang khác thì rất dễ gây nhàm chán mà lại không hiệu quả. Vì vậy giai đoạn đầu giáo viên có thể áp dụng hình thức học trên lớp (nghe thuyết giảng của giảng viên và sinh viên viết theo) kết hợp

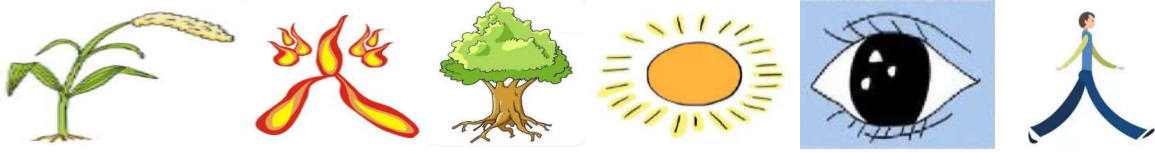
với một số trò chơi. Một số ví dụ liên quan đến trò chơi chữ Hán như sau:

Dựa trên kiến thức về “Lục thư” giảng viên có thể thiết kế, đưa ra trò chơi hoặc hướng dẫn sinh viên tư thiết kế các trò chơi như một vài sinh viên cầm giấy hoặc bảng có viết các chữ tượng hình, sinh viên khác viết thêm nét, bộ thủ khác để thành chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh. Cụ thể là từ bộ *Nhất* (一), viết thêm nét sổ và nét ngang ngắn ở trên thành chữ *thượng* (上), nét sổ và nét chấm ở dưới thành chữ *Hạ* (下), từ bộ *Khẩu* (口) thêm nét ngang ở trong thành bộ *Viết* (囧), thêm chữ thập thành bộ *Điền* (田), từ bộ *Mộc* (木) thêm nét ngang dưới thành bộ *Bản* (本), nét ngang ở trên thành bộ *Vị* (未), từ bộ *Nhật* (日) thêm bộ *Nguyệt* (月) để thành chữ hội ý *Minh* (明); từ chữ *Sơn* (山) thêm bộ *Nhân đứng* (亻) để thành chữ hình thanh “*Tiên*” (仙), từ bộ *Nhật* (日) thêm chữ Thanh 青 để được chữ hình thanh *晴* (晴) (nắng, hửng nắng, trời quang)...

Trò chơi đố nhìn hình, tranh ảnh, vật thật và các giáo cụ trực quan khác để đoán chữ cũng rất thú vị, vì cả người ra câu đố và người giải đố đều phải nắm chắc cấu tạo và cách viết của chữ cũng như nghĩa của chữ, từ. Ví dụ, cho 2 người ngồi trên đất, yêu cầu người khác đoán chữ gì. Đó là chữ “*Ngồi*” (坐)

Một người đứng thẳng đưa hai tay lên miệng, hãy đoán xem chữ gì? Đó là chữ (呿) (gọi, tên gọi là);

Trong tiếng Trung Quốc có nhiều chữ tượng hình, nhiều chữ kép (chữ hợp thể, được cấu tạo từ hơn một bộ thủ, chữ đơn) nên người ra câu đố có thể đưa ra một, một số hình ảnh hoặc vật thật để người giải đố đoán, viết ra chữ Hán. Ví dụ các hình ảnh sau đây:



Các hình ảnh trên lần lượt là bộ *Hòa* (禾: cây lúa), 1 bộ *Hỏa* (火) là chữ *Hỏa*, 2 bộ *Hỏa* chồng lên nhau là chữ *Viêm* (炎), 1 bộ *Mộc* là chữ *Mộc* (木), hai bộ *Mộc* đứng cạnh nhau là chữ *Lâm* (林), 1 bộ *mộc* ở trên, 2 bộ ở dưới là chữ *Thâm* (森) (rừng); một bộ *Nhân* là chữ *Nhân* (人: người), 2 bộ *Nhân* đứng cạnh nhau là chữ “Tòng” (从): đi theo, 3 bộ *nhân* là chữ *Chúng* (众: quần

chúng) và hình ảnh cuối cùng là chữ *Nhật* (日: Mặt trời, ngày).

Trò chơi tìm và ghép các bộ thủ thành chữ (trò chơi này có thể chơi theo đội): cho một số bộ, các đội ghép các bộ thành chữ xem sau một thời gian đội nào ghép được nhiều chữ hơn hoặc làm bài tập về nhà cho sinh viên. Ví dụ như Bảng 2.2 sau:

Bảng 2. Bài tập ghép các bộ thủ thành chữ

1 讠	2 口	3 夕	4 九	5 亻	6 白	7 儿	8 一	9 生	10 日
11 那	12 贝	13 宀	14 门	15 立	16 又	17 佳	18 青	19 木	20 女

(Nguồn: Tập bài tập thiết kế cho Giáo trình Hán ngữ, quyển 1 của tác giả)

Từ bảng trên sinh viên có thể ghép: 1-18: *Thỉnh* (请: Mời); 14-2: *Vấn* (问: Hỏi); 3-2: *Danh* (名: tên); 1-17: *Thùy* (谁: Ai),...

Trò chơi/bài tập cho phiên âm và một bộ, yêu cầu sinh viên viết thêm bộ, nét còn thiếu của chữ Hán, ví dụ như sau:

- 1. 又 (Jī) 2. 虫 (dàn) 3. 彳 (tāng) 4. 口 (pí)
- 5. 酉 (jiǔ) 6. 冫 (píng) 7. 二 (xiē) 8. 交 (jiǎo)

- Đáp án của bài tập này là: 1. Thêm *Điểu* (鸟) (chim) thành *Điểu* (鸡: Gà)
- 2. Thêm *Sơ* (疋) thành *Đản* (蛋: Trứng) 5. Thêm *Thủy* (氵) thành *Tửu* (酒: rượu)

...

Bài tập cho một hoặc một số bộ thủ, giảng viên cho một hoặc từng nhóm sinh viên chơi trò chơi trong một thời gian nhất định tìm ra các chữ có chứa bộ thủ đó, ví dụ bộ *Nhân* (亻) 你, 他, 件, 健, 俄, 您, 任, 休, 修, ...

Bộ *Mộc* (木): 相, 想, 箱, 休, 李, 杏, ...

Dạng bài tập chọn chữ Hán đúng cho phiên âm cho trước. Trò chơi/Bài tập này yêu cầu sinh viên phải nhận diện và phân biệt được các chữ Hán gần giống nhau hoặc dễ nhầm lẫn với nhau, ví dụ:

- 1. qīng A 请 B 清 C 情 D 青 2. xìng A 生 B 性 C 姓 D 牲
- 3. bó A 怕 B 柏 C 伯 D 佰 4. Hán A 鞋 B 韦 C 炜 D 翰
- 5. Zhāng A 账 B 涨 C 长 D 张 6. fā A 波 B 发 C 拨 D 泼

Đáp án đúng là đáp án có gạch chân.

Dạng bài tập chọn phiên âm đúng cho chữ Hán cho trước. Trò chơi/bài tập này giúp sinh viên củng cố kiến thức về ngữ âm cũng như cấu tạo, cách viết của chữ Hán.

- 1. 请 A. qǐng B. jǐng C. qǐng D. qìng
- 2. 明天 A. míngdiān B. míngtiān C. míngtiàn D. mìngtiān
- 3. 谢谢 A. xièxiè B. xiàxià C. xièxie D. Xièxie

Đáp án đúng là đáp án có gạch chân.

Dạng bài tập ghép 2 hoặc 3 chữ Hán thành các từ hoặc cụm từ đã học, ví dụ như bảng sau:

Bảng 3. Bài tập ghép các chữ Hán thành từ

1明	2学	3生	4银	5语	6法	7国	8邮	9星	10见
11英	12俄	13天	14局	15期	16校	17昨	18行	19再	20词

(Nguồn: Tập bài tập thiết kế cho Giáo trình Hán ngữ, quyển 1 của tác giả)

Đáp án của trò chơi/bài tập này là: 1-13: 明天 (ngày mai) ; 2-3: 学生 (học sinh) ; 4-18: 银行 (Ngân hàng) ,....

Trò chơi/Bài tập ghép chữ Hán còn có ghép các chữ thành từ, cụm từ, ghép các từ thành câu,... Ví dụ:

Bảng 4. Nối (bộ ở cột A với bộ ở cột B, bộ ở cột C với bộ ở cột D)

	A	B	C	D
1	亻	鸟	纟	心
2	口	交	另	厶
3	又	卑	禾	冫
4	卅	戈	乍	合
5	扌	央	土	口

(Nguồn: Tập bài tập thiết kế cho Giáo trình Hán ngữ, quyển 1 của tác giả)

Đáp án của bài tập trên như sau: 1A-2B (饺), 2A-3B (啤), 3A-1A (鸡), 4A-5B (英), 5A-4B (找); 1C-4D (给), 2C-3D (别), 3C-5D (和), 4C-1D (怎), 5C-2D (去)

Bài tập ghép câu, ví dụ như sau:

- 1. 明天、哥哥、学、去、他、美国、英语。
(明天他哥哥去美国学英语。)
- 2. 德国、不、吗、太、银行、大?
(德国银行不太大吗?)
- 3. 今天、二、星期、吗?
(今天星期二吗?)

Có thể nói Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất trong số các nước thuộc khu vực ảnh hưởng của văn hóa chữ Hán. Một trong những dấu ấn nổi bật còn lưu lại đến ngày nay đó là trong tiếng Việt lượng từ Hán Việt chiếm tỉ lệ rất lớn trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Trong lịch sử, một số nhà nghiên cứu cho rằng từ Hán Việt chiếm khoảng 60% trong vốn từ tiếng Việt nhưng theo thống kê của một số nhà nghiên cứu gần đây thì chỉ chiếm khoảng trên dưới 30%, (La Văn Thanh, 2010, Phạm

Hùng Việt, 2016). Từ Hán Việt và từ gốc trong tiếng Hán có mối liên hệ rất lớn về ngữ âm, từ loại, nghĩa và cách dùng. Vì vậy có thể tận dụng lợi thế này để giúp sinh viên Việt Nam học chữ Hán, từ tiếng Hán thuận lợi và hiệu quả hơn. Với lợi thế âm Hán Việt, từ Hán Việt giảng viên có thể thiết kế một số bài tập, trò chơi như sau:

Trò chơi nối từ “rồng rắn” hoặc tiếp sức: Với trò chơi này sinh viên Việt Nam có thể vận dụng âm và từ Hán Việt. Ví dụ từ Hán Việt đại (大) để lần lượt ghép thành các từ đại học (大学) - học sinh (学生) - sinh từ (生词: từ mới) - từ ngữ (词语) - ngữ pháp (语法) - Pháp quốc (法国) - quốc gia (国家) - gia đình (家庭),...

Từ chữ Hán có âm Hán Việt là Sinh (生) để tìm ra các từ song âm tiết có chứa âm này, ví dụ sinh sản (sản xuất) (生产), sinh hoạt (cuộc sống, đời sống) (生活), sinh từ (từ mới) (生词), sinh động (生动),

Liên quan đến âm Hán Việt, giảng viên có thể giới thiệu cách chiết tự của người xưa để giới thiệu cấu tạo của một số chữ. Ví dụ, chữ Điền (田) được chiết tự qua 4 câu thơ sau:

Lưỡng Nhật (日) bình đầu Nhật (日)

Tứ Sơn (山) điền đảo Sơn (山)

Lưỡng Vương (王) tranh nhất quốc

Tứ Khẩu (口) tung hoành giang

Hay một số câu thơ, cách nói văn về để phân biệt các chữ gần giống nhau của các cụ xưa, ví dụ:

Lâu lâu mới gặp được nhau

Hỏi em Thiên (天) đã thò đầu (夫) hay chưa? (夫: chồng)

Anh ơi hỏi mãi thêm rầu

Thiên đã thò đầu lại có vết vai (失: thất, mất, chết)

Liên quan đến chiết tự (phân tích cấu tạo của chữ), trong khi giảng dạy giảng viên luôn nhắc nhở sinh phải nhớ các bộ thủ và khuyến khích sinh viên nhớ chữ trên cơ sở phân tích cấu tạo của chữ. Ví dụ chữ Hào (好: Tốt, hay, đẹp, ngon) tại sao lại được viết là như vậy. Vì theo tư tưởng trọng nam kinh nữ của chế độ phong kiến xưa, trong ba điều bất hiếu của một người con với bậc bề trên thì không có người nối dõi là bất hiếu lớn nhất. Vì vậy và người phụ nữ (女) phải có con mà phải là con trai (子) mới tốt đẹp... Qua cách giảng như thế này, giảng viên đã lồng ghép kiến thức về văn hóa cho sinh viên.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có mối quan hệ, giao lưu lâu đời và có nhiều điểm tương đồng về tư duy, văn hóa. Đây cũng là điểm thuận lợi của người Việt Nam khi học chữ Hán nói riêng và tiếng Trung Quốc nói chung. Những kiến thức nền về lịch sử, văn hóa của hai nước cũng giúp cho việc học một số chữ Hán trở nên dễ dàng hơn. Ví dụ, khi dạy về một số chữ Hán Nhất (一), nam (男), nữ (女), thập (十), viết (曰), hữu (有), vô (无) thì có thể nói đến tư tưởng trọng nam kinh nữ (đến nay đã rất lỗi thời và cổ hủ) được thể hiện qua câu nói “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (一男曰有, 十女曰无)

Tóm lại, bằng những kiến thức về Hán tự học (chủ yếu là cấu tạo chữ Hán, hình dạng chữ Hán, quá trình hình thành chữ Hán,... những kiến thức nền về đất nước học, về sự tương đồng văn hóa, ngôn ngữ,... giữa hai nước Trung Quốc – Việt Nam, tận dụng các phương tiện, công nghệ hiện đại, giảng viên có thể thiết kế các trò chơi, bài tập bổ trợ để làm phong phú hơn các hình thức bài tập. (Các bài tập như thế này thông

thường không có hoặc ít có trong các giáo trình chính thống).

3. KẾT LUẬN

Chữ Hán, một trong những loại văn tự cổ xưa và có tỉ lệ người dùng lớn nhất trên thế giới. Chữ Hán không chỉ là hệ thống các kí hiệu dùng để ghi lại ngôn ngữ chính thức của tiếng Trung Quốc mà còn hàm chứa nhiều giá trị về văn hóa, tư tưởng, giáo dục, triết lý,... của người Trung Quốc. Chính vì vậy, nếu chữ Hán được dạy đúng cách, đúng phương pháp thì sẽ là một nội dung, học phần rất thú vị. Tuy nhiên, với đa số người nước ngoài học tiếng Trung Quốc, chữ Hán luôn là một điểm khó, thậm chí là khó khăn lớn nhất trong suốt cả quá trình học ngôn ngữ này. Là người học tập và giảng dạy tiếng Trung Quốc, chắc chắn ai cũng nhận ra và khẳng định rằng việc học chữ Hán có vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình lĩnh hội, thực hành các kỹ năng, kiến thức của tất cả các môn học trong các giai đoạn tiếp theo. Nếu ở giai đoạn đầu, khi mới bắt đầu làm quen và học chữ Hán đầu tiên, người học không được truyền dạy đúng phương pháp hoặc phương pháp không hiệu quả thì sẽ rất khó nhớ. Không nhớ được nhiều chữ Hán khiến cả quá trình học trở nên khó khăn, người học dễ rơi vào tình trạng chán nản, rất dễ bị “mất gốc”, thậm chí có thể bỏ cuộc giữa chừng. Để việc học chữ Hán bớt phần khô khan, nhàm chán, giảm bớt gánh nặng học thuộc, ghi nhớ máy móc, kém hiệu quả, giảng viên cần trang bị thật tốt các kiến thức chuyên ngành về Hán tự học, sử dụng thật nhuần nhuyễn các kiến thức chuyên ngành, các giáo học pháp đặc trưng, kết hợp với việc sử dụng các tài nguyên sẵn có trên mạng

Internet, các phần mềm, ứng dụng,...

Tác giả nhấn mạnh rằng các giải pháp trên đây mặc dù mang tính bổ trợ nhưng lại rất quan trọng và làm phong phú thêm các hình thức bài tập, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận, hứng thú hơn với việc học loại văn tự khó viết, khó nhớ, khó nhận diện này. Từ đó làm nền tảng vững chắc để mở rộng cánh cửa cho sinh viên tiếp nhận các kiến thức khác của ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, từ đó thực hành các kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức chuyên ngành một cách thuận lợi, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. La Văn Thanh. (2010). *Nghiên cứu đặc điểm các tổ hợp song tiết Hán Việt (Có đối chiếu với tiếng Hán)*. (Luận án tiến sĩ Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội).
2. Phạm Hùng Việt. (2016). *Trở lại vấn đề lượng từ ngữ Hán Việt trong tiếng Việt. Từ điển học & Bách khoa thư*, 1. <https://vanhoavaphattrien.vn/tro-lai-van-de-luong-tu-ngu-han-viet-trong-tieng-viet-a2702.html>.
3. 王丽.(2018). 对外汉语汉字教育游戏设计研究及实现---以《汉语教程》第一册配套汉字教育游戏为例. (暨南大学硕士学位论文).
4. 崔永华 (2014). 重新认识汉字教学. 中国语言文字, 5,11-12.
5. 马燕华(2019). 论面向非汉字文化卷外国成年人的汉字教学原则. 国际汉语教学研究, 6, 18-25.
6. 潘先军(2018). 汉字与国际汉字教学. 语言文字大论坛, 24, 30-34.
7. 张文秀. (2019). 基于“六书”造字法理论的汉字游戏教学设计---以印尼八华小学为例. (浙江科技学院硕士学位论文).
8. 郑云. (2019). 多媒体技术辅助下的初级班对外汉字教学研究---以兰州大学初级班留学生为例. (兰州大学硕士学位论文).
9. 徐通锵 (1998). 中西语言学的结合应以字的研究为基础. 语言文字应用, 1, 7-9.
10. 万业馨 (2004). 从汉字研究到汉字教学. 世界汉语教学, 2, 40-48.